

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 120/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 18-4-2023

V/v tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY – TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Hiền.

2. Bà Trần Thị Ngọc Hân.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Ngọc Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Quý – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2023, về việc tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 27/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị T, sinh năm 1986.

Địa chỉ: ấp 1, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai

Chỗ ở hiện nay: Số 45 Nguyễn Tất Thành, phường P, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- *Bị đơn:* Nguyễn Hoàng P, sinh năm 1981.

Địa chỉ: ấp T Trĩ, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

(Chị T và anh P có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T có đơn xin vắng mặt; theo đơn ly hôn và bản tự khai, chị T trình bày:**

Về hôn nhân: Năm 2005, chị T sống chung với anh P, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang. Do bất đồng quan điểm sống, chị T ly thân anh P từ năm 2018 cho đến nay. Tình cảm không còn, chị T yêu cầu ly hôn anh P.

Về con chung: Chị T với anh P có 01 con chung tên là Nguyễn Uyên N, sinh ngày 23/8/2015, đang sống chung với chị T. Chị T yêu cầu tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng cháu N.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tự thỏa T, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, chị T không yêu cầu gì khác.

*** Bị đơn anh Nguyễn Hoàng P có đơn xin vắng mặt; theo bản tự khai, anh P trình bày:**

Về hôn nhân: Anh P với chị T đăng ký kết hôn năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang. Đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Anh P đồng ý ly hôn chị T.

Về con chung: Anh P với chị T có 01 con chung tên là Nguyễn Uyên N, sinh ngày 23/8/2015, đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng; anh P cấp dưỡng nuôi con cho đến khi đủ 18 tuổi; anh P được quyền đi lại thăm nom con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra anh P không yêu cầu gì khác.

*** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:**

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự thực hiện đúng trình tự, quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án, đề nghị:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T.

+ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Uyên N, sinh ngày 23/8/2015 cho chị T tiếp tục, trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Xác định quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Căn cứ, giải quyết theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Chị T và anh P có đơn xin vắng mặt. Do đó, xét xử vắng mặt chị T và anh P theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Theo lời trình bày và yêu cầu của các đương sự, xét thấy:

- Về hôn nhân: Năm 2005, chị T với anh P sống chung, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang. Do bất đồng quan điểm sống, chị T và anh P ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Chị T yêu cầu ly hôn anh P là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; anh P đồng ý ly hôn chị T; nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

- Về con chung: Chị T với anh P có 01 con chung tên là Nguyễn Uyên N, sinh ngày 23/8/2015, đang sống chung với chị T. Cháu N có nguyện vọng sống chung với chị T sau khi chị T và anh P ly hôn. Do đó, chị T yêu cầu tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng cháu N là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; nên chấp nhận; anh P được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T tự thỏa T với anh P về việc cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu giải quyết; nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết; nên không xem xét.

[4] Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở; nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Các Điều 51, 56, 57, 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.
 - Điều 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
 - Luật thi hành án dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị T.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Hoàng P.
 2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Uyên N, sinh ngày 23/8/2015 cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Hoàng P được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: không yêu cầu giải quyết.

4. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí:

+ Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0026912 ngày 08/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây, nên chị T đã nộp xong án phí.

+ Anh P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai bản án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
 THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- UBND xã B; huyện Gò Công Tây;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Lê Trung Hiếu